

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/ 2025/DS - ST
Ngày: 25/ 6/ 2025.
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, TỈNH NINH BÌNH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Ông Vũ Nhật Trung.
- **Các Hội thẩm nhân dân:** Ông Trần Trung Hiếu và bà Bùi Thị Thu Trang.
- **Thư ký ghi biên bản phiên tòa:** Bà Lê Thị Thu Hà - Thư ký Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình.
- **Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện K, tham gia phiên tòa:** Bà Đặng Thị Doan - Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 6 năm 2025 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 01/2025/TLST-DS ngày 09 tháng 01 năm 2025 về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2025/QĐXX-ST ngày 09 tháng 5 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2025/QĐ-TA ngày 03 tháng 6 năm 2025 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ngân hàng TMCP S, địa chỉ: Số B N, phường V, quận C, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D, Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền: Công ty TNHH MTV Q và khai thác tài sản ngân hàng S (Công ty S1); Đại diện theo pháp luật: Ông Lê Ngọc T, Tổng giám đốc. Địa chỉ nhận thông báo: 278 N, phường V, quận C, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền lại: Ông Trần Đức T1, sinh năm 1984; địa chỉ: số B, đường N, phường V, Quận C, thành phố Hồ Chí Minh (theo văn bản ủy quyền số 1254/2024/UQ-TGD lập ngày 29/02/2024).

- **Bị đơn:** Bà Vũ Thị C, sinh năm 1984, địa chỉ: Xóm G, xã A, huyện K, tỉnh Ninh Bình.

Tại phiên tòa ông Trần Đức T1 vắng mặt, ông T1 có đơn xin xét xử vắng mặt; bà Vũ Thị C vắng mặt (bà C vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần S và quá trình giải quyết ông Trần Đức T1, là đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn, trong bản tự khai và đơn xét xử vắng mặt trình bày nội dung như sau:

Ngày 22 tháng 02 năm 2017 bà Vũ Thị C có ký với Ngân hàng TMCP S (gọi tắt là Ngân hàng), Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng - Các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng), hạn mức tín dụng là 25.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân. Cụ thể như sau:

- Loại thẻ JCB, số thẻ 356480 - 1722, hạn mức 25.000.000 đồng, ngày ký hợp đồng 22/07/2017, lãi suất áp dụng 2.6%.

- Loại thẻ VS pay Wave, số thẻ 486265 - 3743, hạn mức 25.000.000 đồng, ngày ký hợp đồng 25/02/2019, lãi suất áp dụng 2.6%.

Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, bà Vũ Thị C đã thực hiện giao dịch với tổng số tiền là 177.000.000 đồng (gồm thẻ 356480 - 1722 là 143.000.000 đồng; thẻ 486265 - 3743 là 34.000.000 đồng). Lãi được tính trên từng giao dịch phát sinh theo từng ngày và theo lãi suất Ngân hàng áp dụng vào từng thời điểm khác nhau (Điều 22 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Bà Vũ Thị C phải chịu các khoản phí theo quy định trong Điều 24 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, chi tiết lãi, phí trong sao kê tóm tắt.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay Bà Vũ Thị C đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 169.834.313 đồng (chi tiết các lần thanh toán trong bảng sao kê tóm tắt đính kèm).

Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng bà Vũ Thị C vẫn không có thiện chí trả nợ. Do bà Vũ Thị C vi phạm nghĩa vụ thanh toán, ngày 23/01/2020 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ tại thời điểm này là 19.037.712 đồng làm nợ gốc và áp dụng lãi suất nợ quá hạn (là 150% của lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại).

Do bà Vũ Thị C vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng nên Ngân hàng đã yêu cầu bà Vũ Thị C trả số tiền còn nợ tính đến ngày 25/06/2025 là 67.921.793 đồng. Cụ thể là: Tổng nợ gốc 19.037.712 đồng; lãi quá hạn 48.884.081 đồng, gồm có:

- Loại thẻ JCB, số thẻ 356480 - 1722, nợ gốc 9.210.555 đồng; lãi quá hạn 23.576.806 đồng; lãi suất áp dụng 3,9% (2,6% * 150%).

- Loại thẻ VS pay Wave, số thẻ 486265 - 3743, nợ gốc 9,827,157 đồng; lãi quá hạn 25.307.275 đồng; lãi suất áp dụng 3,9% (2,6% * 150%).

Mặc dù Ngân hàng đã thường xuyên đôn đốc, nhiều lần làm việc trực tiếp với bà Vũ Thị C, yêu cầu có trách nhiệm thanh toán ngay khoản nợ quá hạn, đồng thời Ngân hàng cũng tạo điều kiện về mặt thời gian để trả nợ, tuy nhiên bà Vũ Thị C vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các Điều khoản đã quy định tại Hợp đồng đã ký. Do đó, để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của Ngân hàng,

Ngân hàng TMCP S đề nghị Toà án giải quyết: Buộc bà Vũ Thị C phải trả ngay cho Ngân hàng tổng số tiền, tạm tính đến ngày 25/06/2025 là 67.921.793 đồng, trong đó: Nợ gốc: 19.037.712 đồng; lãi quá hạn 48.884.081 đồng. Đồng thời có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 26/06/2025 cho đến khi trả hết nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Bị đơn là bà Vũ Thị C: Qua xác minh cho thấy hiện bà Vũ Thị C đang có hộ khẩu thường trú tại: xóm G, xã A, huyện K, tỉnh Ninh Bình, song hiện tại bà Vũ Thị C không có mặt tại địa phương, làm công việc tự do nên gia đình và chính quyền địa phương không biết hiện nay bà C đang làm ăn ở đâu. Do đó Toà án đã thực hiện việc niêm yết các văn bản tố tụng, Thông báo, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Giấy triệu tập đến phiên tòa để bà C tham gia tố tụng theo quy định, nhưng bà Vũ Thị C không đến Tòa án làm việc và không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của ngân hàng. Để bảo đảm quyền lợi hợp pháp của đương sự, Tòa án tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa có quan điểm:

Về thủ tục: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán từ khi thụ lý đến trước khi xét xử đã chấp hành đúng quy định của pháp luật, tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật trong quá trình tiến hành tố tụng. Nguyên đơn, đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn không thực hiện về quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 147, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 100 Luật tổ chức tín dụng; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị HĐXX xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bà Vũ Thị C thanh toán cho Ngân hàng TMCP S, tổng số tiền còn nợ là 67.921.793 đồng và khoản tiền lãi phát sinh tính theo hợp đồng cho đến khi thanh toán xong.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Vũ Thị C phải nộp án phí trên số tiền nguyên đơn khởi kiện yêu cầu được chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ngân hàng Thương mại cổ phần S có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết về số tiền cho vay thế tín dụng còn nợ, buộc bà Vũ Thị C, có địa chỉ tại xã A, huyện K, thanh toán ngay cho ngân hàng số tiền còn nợ cả gốc và lãi tạm tính đến ngày 25/6/2025 là 67.921.793 đồng. Đây là vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án huyện K, tỉnh Ninh Bình, theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bà Vũ Thị C đã được Tòa án niêm yết các văn bản

tổ tụng hợp lệ, nên Tòa án căn cứ theo quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt đương sự.

[2] Về nội dung vụ án và yêu cầu của ngân hàng: Ngày 22/02/2017 bà Vũ Thị C đã ký với Ngân hàng TMCP S, Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng, với hạn mức tín dụng ban đầu là 10.000.000 đồng, sau đó Thẻ tín dụng này được nâng hạn mức là 25.000.000 đồng, Ngày 25/02/2019 bà Vũ Thị C đã ký với Ngân hàng TMCP S, Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng, với hạn mức tín dụng là 25.000.000 đồng, mục đích hai Thẻ để tiêu dùng cá nhân gồm: Loại thẻ JCB, số thẻ 356480 - 1722, hạn mức 25.000.000 đồng, lãi suất áp dụng 2.6%. Loại thẻ VS pay Wave, số thẻ 486265 - 3743, hạn mức 25.000.000 đồng, lãi suất áp dụng 2.6%.

Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, bà C đã thực hiện giao dịch với tổng số tiền là 177.000.000 đồng (gồm thẻ số 356480-1722 là 143.000.000 đồng; thẻ số 486265 - 3743 là 34.000.000 đồng). Lãi được tính trên giao dịch phát sinh theo từng ngày và theo lãi suất Ngân hàng áp dụng vào từng thời điểm khác nhau. Trong quá trình sử dụng thẻ, bà C đã thanh toán cho Ngân hàng được số tiền 169.834.313 đồng (gồm thẻ 356480 - 1722 là 141.034.313 đồng; thẻ 486265 - 3743 là 28.800.000 đồng) sau đó ngừng giao dịch. Bà C vi phạm nghĩa vụ thanh toán, nên ngày 23/01/2020 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ 19.037.712 đồng làm nợ gốc và sang nợ quá hạn, theo lãi suất nợ quá hạn. Nay ngân hàng yêu cầu bà C thanh toán số tiền còn nợ tính đến ngày 25/06/2025 là 67.921.793 đồng, trong đó nợ gốc 19.037.712 đồng; lãi quá hạn 48.884.081 đồng và khoản tiền lãi phát sinh tính theo Hợp đồng cho đến khi thi hành xong. Bà C đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên xét thấy yêu cầu của ngân hàng là có căn cứ nên cần chấp nhận. Buộc bà C thanh toán cho ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 25/06/2025 là 67.921.793 đồng và khoản tiền lãi phát sinh tính theo Hợp đồng cho đến khi thi hành xong là phù hợp.

[3] Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ngân hàng nên buộc bà C phải nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch về thực hiện nghĩa vụ tài sản là 3.396.000 đồng để sung ngân sách Nhà nước.

Nguyên đơn không phải nộp án phí nên được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26 và các Điều 35; Điều 39, Điều 85, Điều 147; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, 466; 468 Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 100 Luật tổ chức tín dụng và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Sài

Gòn Thương Tín về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Buộc bà Vũ Thị C thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần S, tổng số tiền còn nợ là 67.921.793 đồng (sáu mươi bảy triệu, chín trăm hai mươi một nghìn, bảy trăm chín mươi ba đồng), trong đó nợ gốc 19.037.712 đồng và lãi quá hạn là 48.884.081 đồng và khoản tiền lãi phát sinh tính theo hợp đồng cho đến khi thanh toán xong.

Kể từ ngày tiếp theo là ngày 26/6/2025 khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi xuất mà các bên thoả thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc. Trường hợp Hợp đồng tín dụng các bên thoả thuận về việc điều chỉnh lãi xuất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay thì lãi xuất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho ngân hàng cho vay theo Quyết định của Toà án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi xuất của ngân hàng cho vay.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc bà Vũ Thị C phải nộp 3.396.000 đồng (*ba triệu ba trăm chín mươi sáu nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch để sung ngân sách Nhà nước.

- Trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần S số tiền tạm ứng án phí là 1.394.251 đồng theo biên lai thu tiền số BLTU/23P số 0012965 ngày 27/3/2024 của Chi cục thi hành án dân sự quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh.

Án xử công khai sơ thẩm nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình.
- VKSND tỉnh Ninh Bình.
- VKSND huyện K.
- Chi cục THA DS huyện K .
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TÒA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Vũ Nhật Trung